

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 213/2022/DS - ST

Ngày: 30-9-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Cẩm và bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Bà H'Michan Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2022/TLST-DS ngày 04/5/2022 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2022/QĐXX-DS ngày 24/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 250/2022/QĐST - DS ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi A, sinh năm 1971; Địa chỉ: 54 đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức D; Địa chỉ 159 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn L và bà Phan Thị H; Địa chỉ: 211 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D trình bày:

Do có quan hệ quen biết với nhau nên ngày 05/02/2021 ông Nguyễn Phi A có cho vợ chồng ông Trần Văn L, bà Phan Thị H vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày từ ngày 05/02/2021 đến ngày 05/4/2021, lãi suất thỏa thuận là 1,65%/tháng, không thế chấp tài sản gì, mục đích để ông L, bà H lo việc gia đình.

Đến hạn trả nợ, mặc dù ông A đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng ông L, bà H cố tình lẩn tránh không trả cho ông A khoản tiền nào cả gốc và lãi. Vì vậy, ông A khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L, bà Phan Thị H trả cho ông Nguyễn Phi A số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày 05/02/2021 theo mức lãi suất 1,65%/tháng.

Do bị đơn vắng mặt nên nguyên đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết kết luận giám định kết luận đúng là chữ viết, chữ ký do một người viết và ký ra đại diện nguyên đơn không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

- **Về tố tụng:** Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội Dng:** Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ các Điều 26 Luật TTDS; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi A. Buộc vợ chồng ông Trần Văn L, bà Phan Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Phi A số tiền 700.000.000đ nợ gốc và tiền lãi từ ngày 05/02/2021 đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án.

Bị đơn phải chịu án phí DSST; và lệ phí giám định chữ ký, chữ viết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại 212 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Nguyễn Phi A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông L, bà H có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền nợ gốc là

700.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày vay theo mức 1,65%/ tháng và cung cấp tài liệu chứng cứ là Hợp đồng cho vay tiền có nội dung bên cho vay là ông Nguyễn Phi A cho vợ chồng ông Trần Văn L, bà Phan Thị H vay số tiền 700.000.000đ; thời hạn vay là 60 ngày; lãi suất 1,65%/ tháng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, do đó nguyên đơn đã có đơn đề nghị giám định chữ ký chữ viết; Kết luận giám định số 793/KL-KTHS ngày 22/8/2022 Của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận, chữ ký chữ viết mang tên Trần Văn L và Phan Thị H dưới mục “Đại diện bên B” trên mẫu cần giám định (Hợp đồng cho vay tiền) so với mẫu chữ ký, chữ viết trong mẫu so sánh (Hợp đồng thế chấp tài sản) là do cùng một người ký và viết ra. Do đó đã có căn cứ xác định vợ chồng bị đơn có vay nguyên đơn số tiền gốc 700.000.000đ.

Nguyên đơn cho rằng từ khi vay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền nào, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng nên không lấy được lời khai của bị đơn, do đó cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 700.000.000đ là phù hợp.

Về tiền lãi: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông cung cấp Hợp đồng cho vay tiền có thể hiện tiền lãi theo các bên thỏa thuận là 1,65%/ tháng, và nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi kể từ ngày vay theo mức lãi suất thỏa thuận là phù hợp quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS nên cần chấp nhận cụ thể: Thời gian vay từ ngày 05/02/2021 đến ngày xét xử là ngày 30/9/2022: $700.000.000đ \times 1,65\% / \text{tháng} \times 602 \text{ ngày} = 231.770.000đ$ tiền lãi

Từ những nhận định trên cần buộc ông L, bà H có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền nợ gốc: 700.000.000đ và 231.770.000đ tiền lãi, tổng cộng là 931.770.000đ

[3]. Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể: $931.770.000đ \times 5\% = 39.953.000đ$ đồng. Ông Nguyễn Phi A không phải chịu án phí DSST, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.670.000đ; Do Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông L, bà H phải chịu chi phí giám định là 5.670.000đ, ông A được nhận lại số tiền trên sau khi thu được của vợ chồng ông L, bà H là phù hợp.

Về chi phí thông báo nhấn tin: Bị đơn ông Trần Văn L, bà Phan Thị H phải chịu 2.425.000đ (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền chi phí thông báo nhấn tin. Ông Nguyễn Phi A không phải chịu chi phí thông báo nhấn tin được nhận lại 2.425.000đ (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng chi phí đã nộp và đã chi phí xong sau khi thu được của ông L, bà H là phù hợp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 102, Điều 147; Điều 161; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi A.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn L, bà Phan Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Phi A số tiền nợ gốc là 700.000.000đồng và 231.770.000đ tiền lãi, tổng cộng là 931.770.000đ (Chín trăm ba mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông Trần Văn L, bà Phan Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Vợ chồng ông Trần Văn L, bà Phan Thị H phải chịu: 39.953.000đồng (Ba mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ba ngàn đồng) án phí DSST.

Ông Nguyễn Phi A không phải chịu án phí DSST, hoàn trả ông Nguyễn Phi A số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) tạm ứng án phí ông Nguyễn Xuân Đ đã nộp thay ông A theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0012738 ngày 25/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết; Bị đơn ông Trần Văn L, bà Phan Thị H phải chịu lệ phí giám định là 5.670.000đ (Năm triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng), ông Nguyễn Phi A không phải chịu tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết được nhận lại số tiền 5.670.000đồng (Năm triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng) tạm ứng chi phí đã nộp sau khi thu được của vợ chồng ông L, bà H.

Về chi phí thông báo nhấn tin: Bị đơn ông Trần Văn L, bà Phan Thị H phải chịu 2.425.000đ (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền chi phí thông báo nhấn tin. Ông Nguyễn Phi A không phải chịu chi phí thông báo nhấn tin được nhận lại 2.425.000đ (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng chi phí đã nộp và đã chi phí xong sau khi thu được của ông L, bà H là phù hợp.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. B;
- Đương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt